

TÍNH TRỌNG NGHĨA CỦA NGƯỜI NAM BỘ TRONG TRUYỆN NGẮN SƠN NAM

NGUYỄN VĂN ĐÔNG*

TÓM TẮT

Trong quá trình tiến về phương Nam để tìm đất mới, những lưu dân đã từng bước hình thành nhiều tính cách mới và một trong những tính cách tiêu biểu của lưu dân Nam Bộ là tính trọng nghĩa.

Trong truyện ngắn Sơn Nam, tính trọng nghĩa được thể hiện qua: hình ảnh người dân chống lại thú dữ như cọp, cá sấu, heo rừng; chống lại thực dân Pháp; cách cư xử với những người hàng xóm.

ABSTRACT

Respecting sentimental attachment “Nghĩa” of Southerners in Son Nam’ short stories

In the process of immigration to the South to find the new land, the pioneers gradually formed several new characteristics of which the typical one is respecting “Nghĩa”

In Son Nam’ short stories, this characteristic is presented in: fighting of the peasants against wild beasts like tigers, crocodiles, boars to save others’ lives, fighting against French colonists to protect fatherland, treatment towards neighbors.

1. Nam Bộ là vùng đất cuối cùng ở phía Nam của đất nước, nằm trong lưu vực hai con sông Đồng Nai và Cửu Long, chủ yếu ở vùng hạ lưu hai con sông lớn này. Nam Bộ nằm rất gần biển Đông, là một vùng châu thổ màu mỡ với nhiều cửa sông đổ ra biển. Chính điều này đã tạo nên một Nam Bộ trù phú, với biết bao huyền thoại thời khai hoang mở đất.

Trong mấy trăm năm định hình và phát triển, Nam Bộ đã tạo nên cho mình những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần vô cùng phong phú, độc đáo và một bản sắc riêng so với các vùng miền khác của đất nước.

Hồi ban sơ, Nam Bộ là vùng đất mới, chưa được khai phá nên thiên nhiên còn nhiều khắc nghiệt. Nhiều thế hệ lưu dân nối tiếp nhau tìm đến Nam Bộ khai

khẩn đất hoang, cải tạo các vùng sinh lầy để có đất sản xuất. Các lưu dân phải chống chọi với sơn lam chướng khí, bệnh tật và các loài thú dữ như cá sấu, cọp... và vô số những lưu dân nghèo khổ đã phải vùi thân xác ở vùng đất này.

Miền Tây Nam Bộ là vùng đất được khai phá sau cùng. Rừng sâu, nước độc, rắn rết, sấu, cọp... vây bủa, đe dọa mạng sống con người, nhưng những lưu dân không thể lùi bước vì không còn đất sống, bởi hoàn cảnh bết tắc cùng cực họ mới lang bạt đến đây. Trước cảnh tượng rừng hoang, nhiều thú dữ họ cần phải sống nương tựa vào nhau mới có thể tồn tại được. Tinh thần đoàn kết, sống với nhau vì nghĩa không chỉ giúp cho họ sẽ chia công việc với nhau, hợp sức đánh đuổi các loài ác thú mà còn là để cho có bạn, để giúp đỡ nhau trong những lúc hoạn nạn, ốm đau, trong khai phá đất

* ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

đại, trong thời vụ mùa màng.

2. Nói về người Nam Bộ thời khẩn hoang có lẽ chúng ta phải nhớ đến nhà văn Sơn Nam vì phần lớn sáng tác của ông đều xoay quanh bối cảnh vùng sông nước miền Tây Nam Bộ với những khó khăn gian khổ tưởng chừng không thể vượt qua được. Sơn Nam đã ghi lại cuộc sống đầy khó khăn, vất vả của những người đi mở đất, qua đó tác giả đã làm cho người đọc sống lại những phút giây hào hùng, khơi dậy trong lòng họ tình quê hương, nhắc họ ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

2.1. Nhân ái, nghĩa khí là tính cách nổi bật của người dân Nam Bộ. Đó là những con người phóng khoáng, hào hiệp, nghĩa khí, trọng nghĩa khinh tài... Tất cả những phẩm chất này đã được Sơn Nam thể hiện rõ nét trong tác phẩm của ông. Nhà văn thường viết về họ với những nỗi đau khổ lẫn niềm hạnh phúc cùng tâm hồn bình dị, cuộc sống và tình người của họ trong thế giới hoang sơ, thâm u miền Hậu Giang với những mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên: rừng tràm, sông sâu và thú dữ...

Nhà phê bình văn học Đặng Tiến trong bài *Sơn Nam, Việt Nam* - viết lúc nhà văn Sơn Nam vừa qua đời - có nói:

“Sơn Nam là nhà văn điệu nghệ. Trong Văn minh miệt vườn, 1970, ông có nói ở chương cuối: điệu nghệ là do chữ đạo nghĩa. Ở Sơn Nam hai chữ này đồng hóa.”

Đạo nghĩa là nhân ái, thủy chung. Nhân ái không những với đồng hương Miệt Vườn, đồng bào Việt tộc, đồng loại nhân sinh, mà còn nhân ái với cảnh vật, kể cả con cá sấu khó thương. Tinh thần

đạo nghĩa ở Sơn Nam vượt địa giới Nam Bộ rất xa. Nội dung chính trị trong Hương rừng Cà Mau, những chuyện xảy ra khoảng 1930-1940, chủ yếu là tinh thần chống thực dân Pháp”. [thoangsaigon.com]

Mở đầu tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau*, một trong những tác phẩm được xem là tiêu biểu và thành công nhất của Sơn Nam, là bài thơ *Thay lời tựa* của chính Sơn Nam được nhiều người đọc ca ngợi. Bài thơ diễn tả tâm tình và cuộc sống của những người đi khai hoang ở vùng đất tận cùng của đất nước, trong đó có dẫn một câu chữ Hán duy nhất có thể nói lên quan niệm ứng xử của lưu dân trong các mối quan hệ xã hội mà Sơn Nam tâm đắc đưa vào bài thơ hiem hoi, gần như hay nhất của ông:

*Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả,
Tới Cà Mau - Rạch Giá
Cát chồi, đốt lửa giữa rừng thiêng...
Muối, vắt nhiều như cò,
Chương khí mù như sương.*

Câu thơ cô đọng “*Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả*” được một nhân vật trong truyện của ông phát biểu lần nữa để khẳng định cho tinh thần nghĩa hiệp này:

“Vi đất nước chớ đâu phải vì danh vì lợi. Sách có chữ: “Kiến nghĩa bất vi vô đồng giả, lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”. (HRCM1, tr.261)

Trong một công trình biên khảo, Sơn Nam giải thích rõ hơn về chữ “nghĩa” này:

“Nghĩa là nghĩa khí, tiêu biểu cho nghĩa khí là ông Quan Vân Trường không lợi dụng quyền thế để lấn hiếp kẻ yếu, không giết kẻ té ngựa, ăn ở thủy chung,

dám liều thân vì nghĩa lớn, không nói xấu kẻ vắng mặt.

Quan niệm “điều nghệ” tạo ra một kiểu anh hùng, một người quân tử bình dân. Cánh cửa của đạo và nghĩa luôn luôn mở rộng để đón tất cả mọi người không phân biệt giàu nghèo, dĩ vãng tốt hay xấu.” [2, tr.406]

Phong thái hiệp nghĩa, anh hùng mã thượng chính là lý tưởng sống của đảng trượng phu. Đó là người thấy chuyện bất bình thì nhảy vào can thiệp mà không cần đền đáp lại, không cầu danh, không cầu trả ơn. Đáng đáp họ thấp thoáng hình ảnh của những tay hảo hán chọc trời khuấy nước, trọng nghĩa khinh tài mà những lưu dân rất ngưỡng mộ như trong thơ cụ Đồ Chiểu:

*Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.
(Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu)*

Có người nói rằng ở mỗi người dân Nam Bộ hiền lành, quê mùa chất phác đều có sẵn một anh Lục Vân Tiên trong lòng, khi thấy chuyện chướng tai gai mắt thì anh Lục Vân Tiên trọng nghĩa khí đó lại xông ra quyết tâm tiêu diệt cho bằng được chuyện “bất bằng” chỉ với sự can trường và không đòi hỏi một sự đền đáp nào.

Tính nghĩa khí của người Nam Bộ cũng được tìm thấy trong nhiều sách sử và cả trong những áng hùng văn xa xưa. Nhận xét về tính cách của người Nam Bộ xưa, sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán nhà Nguyễn có viết:

“Tục chuộng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài. Học mà vụng về văn chương. Nhà nông thì chăm chỉ lúc khởi công, mà sau khi đã cấy, thì không làm gì cả được

mùa hay mất mùa nhất thiết nhờ trời. Kỹ nghệ thì thô lỗ, đồ dùng thì đều vụng mà chắc, nên hay dùng đồ vật nước ngoài.” [9, tr.243]

Trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có đoạn viết:

“Vùng Gia Định nước Việt Nam đất đai rộng, lương thực nhiều, không lo đói rét, nên dân ưa sống xa hoa, ít chịu súc tích, quen thói bốc rời. Người tứ xứ. Nhà nào tục nấy... Gia Định có vị trí nam phương dương minh, nên người khí tiết trung dũng, trọng nghĩa khinh tài...” [6, tr.211]

Thực ra, rất khó để xác định tính cách đặc trưng của con người ở một vùng đất trong tổng thể một quốc gia bởi văn hóa lan tỏa khắp cộng đồng dân tộc, không phân định rạch ròi theo lãnh thổ hay địa giới hành chính. Tuy nhiên, hoàn cảnh thiên nhiên, xã hội và sinh hoạt mỗi nơi khác nhau, nên tính cách con người cũng đã hình thành những nét riêng biệt. Người Nam Bộ vẫn mang những đặc điểm chung của người Việt Nam bởi cùng cội nguồn lịch sử, văn hóa, cùng lãnh thổ, ngôn ngữ, sinh hoạt... nhưng người Nam Bộ lại có những tính cách riêng do điều kiện sống khác biệt trên vùng sông nước, kênh rạch lăm hiểm họa tai ương.

Nhà văn Sơn Nam cũng đã nhấn mạnh đến tính cách chung phổ quát của dân tộc Việt trước khi nói đến tính đa dạng và đặc điểm riêng của miền Tây Nam Bộ:

“Nước Việt là một, những thành tựu ở đồng bằng sông Cửu Long là nét đa dạng mà thôi. Chúng tôi cố gắng tránh những nét khái quát, chung chung. Giao lưu, hiếu khách, cần cù, yêu nước thì

miền nào, dân tộc nào chẳng vậy?”.
(ĐBSCL, tr.22)

Người Việt Nam cư ngụ rải rác trên một dải đất dài, lại bị bao nhiêu núi sông ngăn cách, nhưng điều đặc biệt là bản sắc của cả cộng đồng dân tộc không biến đổi. Dù ở nơi nào, họ cũng bộc lộ những tính chất chung như lòng yêu nước, thương người, khí phách anh hùng... Tuy nhiên, đó lại là sự thống nhất trong đa dạng như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét. Mỗi vùng khác nhau của đất nước với những đặc điểm xã hội và thiên nhiên riêng biệt đã tạo ra những nét đậm nhạt khác nhau trong tính cách của con người từng vùng miền.

Từ những cánh rừng bạt ngàn, sông ngòi chằng chịt đến những vùng đất bồi lắng phù sa, ông cha ta đã tạo nên vùng đồng bằng với ruộng đồng cò bay thẳng cánh, miệt vườn sum suê cây trái, những nương rạch dọc ngang tấp nập xuồng ghe và những xóm làng rộn vang nhịp sống. Tất cả tạo nên một miền Nam với những bản sắc và cá tính riêng - những cá tính ấy không khác mấy so với đặc tính chung của dân tộc Việt Nam nhưng luôn mang màu sắc địa phương rõ rệt, tạo nên những nét riêng không thể lẫn lộn với vùng đất nào khác của đất nước.

Để mô tả tính chất anh hùng của thời xưa, Sơn Nam hay viết về mối nguy hiểm mà lưu dân cần phải ra tay trừ khử là những loài ác thú gây hại cho con người. Đó là những người chuyên bắt cá sấu, chữa rắn cắn, trừ diệt cạp, bẫy heo rừng... được Sơn Nam tái hiện đậm nét trong nhiều truyện ngắn.

Cá sấu là nỗi kinh hoàng cho lưu dân thời khẩn hoang, chúng có thể cướp

đi mạng sống của con người. Chúng chẳng khác nào như những bóng ma thoát ần, thoát hiện, rất khó đề phòng. Trong môi trường còn đậm chất hoang sơ đó, những hung thần nơi sông nước này là chủ nhân thật sự, còn người dân chỉ là những miếng mồi ngon:

“Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn. Sáu nổi lên, chen vào bức tranh màu xanh ấy những vệt đen chi chít: Con thì nằm dài như chiếc xuồng lương, con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sượt nắng, bắt cá.”(HRCM1, tr.223)

Cá sấu có thể xuất hiện bất kỳ nơi nào trong sinh hoạt của người dân:

“Dạ không được. Không lui tới dưới sông, dân chúng phải chết đói hết. Lại còn ghe xuồng từ xứ khác tới, làm sao họ biết mà đề phòng. Người ở trên bờ còn bị sáu tấp nữa kia.” (HRCM1, tr.248)

Cá sấu nhiều đến nỗi có người ví như là trái mù u trong rừng. Có những con sấu có lẽ sống từ hàng trăm năm là hình ảnh của những con sấu thần, sáu lửa:

“Và trước mũi của chiếc xuồng quái dị nọ, hai tia sáng xanh ngời rọi tới như hai cái đèn “bin”. Nghi ngờ gì nữa! Nó là con sáu lửa mà chú Tư thường nghe mấy người đóng đày nói lại. Hồi đó, chú Tư không tin, Bây giờ chú đã thấy tận mắt con sáu thần đó.” (HRCM1, tr.246)

Không những vậy, có những con sấu hung dữ và nguy hiểm như một con

quái vật, gây bao nỗi kinh hoàng cho người dân:

“Đúng như lời tiên đoán, những năm sau đến mùa nước nổi là con sấu năm chân lại xuất hiện lên nhận chìm bao nhiêu xuống ghe ăn thịt người.” (HQ, tr.432)

Sông nước, đầm lầy chính là môi trường sống của những đàn sấu hung dữ, tai họa từ những con sấu hung thần gây ra cho bất cứ ai, có thể là người dân nghèo trong quá trình mưu sinh, nhưng cũng có thể là những gia đình giàu có:

“Một tai họa thảm khốc vừa xảy đến cho gia đình ông cai tổng Hy. Hôm ngày cưới vợ của con trai út, đoàn ghe rước dâu bị sấu cắn mũi, bà con hai họ kêu la om tói, sấu lặn xuống rồi trồi lên đập đuôi ngay ghe chở cô dâu, chú rể.

Ai nấy trở về nhà bình yên, trừ trường hợp đặc biệt của cô dâu. Nàng mất dạng sau khi quơ đôi chân ngược lên trời, lần cuối cùng, đầu và mình khua dưới mặt nước xao động, trong miệng sấu.” (HRCM2, tr.132)

Trong hoàn cảnh đó, đã có những con người dám đương đầu với hiểm nguy luôn xuất hiện đúng lúc: là ông Năm Hên, là chú Tư Đức...

Đối với ông Năm Hên, nghề bắt sấu có thể làm giàu được nhưng ông không màng thứ phú quý đó. Hễ nghe đâu có sấu hoành hành đe dọa mạng sống con người là ông tìm đến. Hôm con dâu ông cai tổng Hy bị sấu ăn thịt, có người đã ngã giá trên hai trăm đồng và sở hữu hai lượng vàng trong bụng sấu thì mới chịu ra tay. Nhưng ông Năm Hên thì khác. Vài bữa sau, ông hỏi han kỹ lưỡng rồi xin phép bắt sấu không phải vì số vòng vàng

trong bụng nó như người ta nghĩ mà ông muốn giết sấu để giảm bớt tai họa cho dân làng, để giải oan cho những vong hồn bị “hùm tha sấu bắt ở đầu ghềnh cuối bãi”. Ông Năm Hên là nhân vật tiêu biểu cho lớp người dám đương đầu với những thách thức của vùng đất hoang Nam Bộ thuở xưa. Trước môi trường thiên nhiên nhiều hiểm nguy, sẵn sàng cướp đi mạng sống của con người bất cứ lúc nào, để tồn tại, họ phải dũng cảm và mưu trí đối phó với thách thức của thiên nhiên đó:

“Lửa châm vô sậy để, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần vì nước sôi nóng, sấu bò lên rình theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi tấp ông. Ông dứt vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu tấp lại, dính chặt hai hàm răng: như mình ngậm một cục mạch nha quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây mác, nhắm ngay sau lưng sấu mà xắn nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị tê liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại; chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.” (HRCM1, tr. 228)

Nếu như truyện ngắn *Bắt sấu rừng U Minh hạ* đượm vẻ huyền bí, ma quái ghê rợn, thì truyện ngắn *Sông Gành Hào* dựng nên một cảnh hùng tráng về hai cha con chú Tư Đức phải chiến đấu với con sấu dữ.

Truyện kể chuyện ông Tây kiếm lâm Rốp được tiếng nhân từ vì không hay đi bắt các ghe xuống chở củi lậu thuế và

hay đọc sách về đạo Phật. Một đêm xuống của chú Tư Đức chở củi đi qua bị ông bắt, nhưng không có tiền nộp nên ông Rốp cho cha con chú ở đậu tại nhà dưới cửa đồn kiểm lâm, cơm ăn không tính tiền, bù lại hai cha con ông phải làm cỏ, quét nhà. Nhờ gan dạ, liều lĩnh, có sáng kiến độc đáo, hai cha con chú Tư Đức đã quần thảo với con sấu dữ tợn trên sông và cuối cùng hạ được nó. Việc làm của họ đã khiến ông quan Tây phải thay đổi suy nghĩ và thái độ của mình trước những người nông dân chất phác và có vẻ khờ khạo này:

“Giỏi quá! Chú Tư giỏi quá! Thằng nhỏ gan quá! Nó bị bệnh rét mà còn mạnh quá! Tôi mời hai cha con vô đồn.” (HRCM3, tr. 259)

Không như cọp ở miền Đông, cọp miền Tây Nam Bộ sống giữa sinh lầy nước đọng, trong bãi bùn nước lợ hay ở gò đất trũng gừa, kè. Nổi tiếng là cọp U Minh, cọp Gò Quao... cọp là nỗi ám ảnh người dân đến độ nghe tới tên cọp là hoảng hốt. Tiếng tàu mo cau rụng xuống lại tưởng con cọp lung vàng, bụng rằn. Cọp chụp bà già ngồi câu dưới gốc cây xộp lại tưởng bị heo rừng nhát:

“Lần đó, cọp tới sân tôi chạy vòng quanh tìm cách vô nhà. Đứa con tôi ở một mình. Nghe tiếng động dậy nó chạy ra sát hàng rào. Cọp ta không phương thế nào vào trong được nên day lại, thò đuôi vô kẽ hàng rào. Trưa về nhà nghe con tôi nói lại: “Ba ơi! Hồi ba đi ruộng, có con mèo vện lại đây, thò đuôi vô. Con nắm đuôi mà nó mạnh lắm, kéo ra được chạy vượt”. Chừng đó, lối xóm ai cũng hoảng sợ xây hàng rào chung quanh nhà.

Đêm cũng như ngày chỉ nghe động tịnh là nghĩ tới cọp.” (HRCM1, tr.193).

Đối phó với loài cọp dữ, người dân dùng nhiều biện pháp khác nhau. Trong quan niệm của người dân ít được học, họ thường gọi chúng bằng những danh xưng tôn kính nhất với hy vọng được chúng tha cho hoặc lập miếu thờ cúng:

“Bố trí một đạo quân đánh cọp không xong, dân xóm này mới bày đặt cất miếu thờ cọp. Đó là ngụ ý: “Chúng tôi là người làm ăn, không dám đả động tới ông, xin ông cứ ở trong rừng để chúng tôi được yên ổn!”. Cất miếu xong, chàng vạng có người tới đốt nhang. Mấy hôm đầu, ông cọp đi vòng quanh miếu, đứng nhìn nhang rồi về. Bữa sau đem ra cúng một cái đầu heo rừng. Từ đó xóm giềng được yên.” (HRCM1, tr. 223)

Khi những phương cách ấy không hiệu quả, cọp trở thành mối đe dọa nguy hiểm thì họ buộc phải đương đầu trực diện với chúng. Người Việt vùng ngũ Quảng, từng lăn lộn giữa rừng núi Trường Sơn, nơi nổi tiếng với “Cọp Khánh Hoà, ma Bình Thuận”, nên không nao núng trước trở lực này, dù phải chịu đựng nhiều tổn thất. Chỉ với những lưỡi mác hay tầm vông vạt nhọn, con người hiểu họ cần phải có sức mạnh của tập thể, của mưu trí mới mong thành công trong cuộc chiến đấu không cân sức này:

“Có người bàn nên thành lập một đội binh để vô rừng đánh cọp. Công việc đầu tiên là đốn tre tầm vông vạt nhọn để sẵn. Khi gặp cọp thì đánh trống lên, cả xóm xách tầm vông tới nghinh chiến. Mới nghe qua, dường như có lý. Nhưng năm đó, ở rạch Cái Cam, Phong Điền, Cần Thơ, có người xuống cho hay: “Ở xứ tôi,

có bố trí như vậy nhưng thất bại. Gặp cọp, đánh trống lên, ai nấy xách tầm vòng chạy tới. Cọp im lặng, trụ hình một chỗ. Thình không, ổng hét lên. Tức thì ai nấy chạy tán loạn. Có người thiếu điều đồ ruột vì chạy càn đụng nhằm ngọn tầm vòng của bạn mình. Về sau, có người gài bẫy được một ổng cọp. Họ đứt mũi tầm vòng vô miệng cọp để đâm. Dè đâu cọp nhai nát như ... mình ăn mía.” (HRCM2, tr.146)

Ông Hai Cháy và ông Năm Tư trong *Con heo khịt* chiến đấu một mất một còn với con heo rừng luôn phá hoại mùa màng để trừ họa cho dân làng ở ven rừng Ngã Bát. Ông đạo Tư trong *Ông Thầy rắn* và ông thầy Hai Rắn trong *Cây huê xà* chuyên trị rắn cứu người. Ông Năm Hên trong *Bắt sấu rừng U Minh hạ*, và *Con sấu cuối cùng* đơn độc chiến đấu với loài thú dữ, và hai cha con chú Tư Đức, một con người tầm thường chuyên đốn củi lậu trong *Sông Gành Hào*, cũng có tài chống lại loài sấu làm cho Tây phải xá tay khâm phục....

Những con người lao vào chỗ nguy hiểm để đem lại an toàn cho dân lành được ngưỡng mộ như những vị anh hùng và thành tích của họ được truyền tụng mãi như những huyền thoại dân gian. Ông Cai Thoại chết rồi, còn lại chiếc áo rách, mỗi khi cọp về xóm quấy nhiễu, người ta tin tưởng rằng chỉ cần mùi mồ hôi của ông cũng đủ sức làm cọp kinh hãi:

“Họ mặc áo của ông Cai, quất to có ý cho cọp nghe. “Đi ra xa! Thử hửi mồ hôi thì biết ta là ai!” Thế là cọp rút lui. Lần hồi, chiếc tàn y nọ rách nát. Người đi rừng bèn xưng danh hiệu, vẫn tất:

- Tao là Cai Thoại đây!

Mười lần như một, cọp đều chạy trốn.” (BCMT, tr.79)

Họ đi, vì còn nhiều nơi cần đến họ, và cũng không muốn vương bận vào vòng danh lợi, thị phi sẽ làm tổn hại đến cuộc sống ngang tàng thông dong của họ.

“Tôi đi Gò Quao để bắt rắn trong cái lò gạch của cậu Ba Chiêu. Lò gạch bỏ hoang hơn mười năm rồi. A! Nếu mền tôi thì trả giùm tiền rượu mà tôi còn thiếu bà bán quán. Tôi không bao giờ có tiền trong mình, chỉ có chút ít âm đức của ông bà để lại mà sống với đời.” (HRCM1, tr.343)

Bắt sấu, bắt cọp nơi sông sâu rừng thẳm là nghề nguy hiểm, có khi phải đổi cả sinh mạng nhưng vì sự sống của con người trên đất mới, cách đương đầu đối phó với hiểm nguy chính là chọn lựa bất buộc. Cũng từ khoảng cách mong manh giữa sự sống và cái chết trước dã thú, tài nghệ của những người thợ đã trở thành huyền thoại nay đã lùi vào quá khứ nhưng tỏa sáng mãi trong tâm thức của người Việt trên mảnh đất phương Nam.

Nam Bộ ngày nay là mảnh đất kết tinh của biết bao mồ hôi, nước mắt và máu xương của những người đi trước. Bên cạnh những người đã ngã xuống vì bom đạn của chiến tranh là sự hi sinh thầm lặng của những người đi mở mang bờ cõi. Họ là những chiến sĩ tiên phong trong việc đẩy hoang sơ lùi dần vào quá khứ, biến rừng rậm hoang vu thành đồng ruộng phì nhiêu cò bay thẳng cánh. Khó có thể nói hết công lao của những người đã từng gắn bó và làm nên đất này. Đó là những con người nghĩa khí, dũng cảm, gan dạ. Trong gian khổ thiếu thốn họ vẫn

cam chịu cố bám đất, bám rừng để làm nên cuộc sống.

Họ sẵn sàng ra tay bắt sâu, đuổi cọp, giết heo rừng... cho dù có hi sinh tính mạng. Họ cùng nhau chung lưng đấu cật để rồi nhiều người đã làm mồì cho thú dữ, có người đã gửi thân lại nơi này. Máu xương của họ đã hòa vào lòng đất để cho cây lúa mọc xanh hơn và để cho nhiều thế hệ mai sau có cuộc sống ấm no, hạnh phúc hơn so với họ, những lưu dân thế hệ tiên phong.

2.2. Biểu hiện cao nhất của chữ Nghĩa là Nghĩa với nước, với dân. Đối với người Việt vùng Nam Bộ nói riêng, người Việt Nam nói chung thì tiết nghĩa, yêu nước, thương dân là hành vi cao nhất của đạo đức. Song trên đất Nam Bộ này, nghĩa với nước với dân, niềm tự hào dân tộc đã có một nội dung khác so với chữ Nghĩa nguyên mẫu, tạo nên cái gọi là “Nghĩa khí Nam Bộ”, là “Hào khí Đồng Nai”.

Trước khi Pháp xâm chiếm nước ta thì miền Nam là vùng đất giàu có và thanh bình. Dân chúng lo làm ăn, vui với gia đình, làng xóm, nỗ lực khai khẩn thêm đất mới. Sinh sống giữa một vùng trời đất bao la, cá tôm, lúa gạo đầy đồng, ước mơ lớn nhất của đời họ là có một cuộc sống bình yên bên gia đình, bà con làng xóm.

Thế nhưng khi Tổ quốc lâm nguy, thì cũng chính những con người ấy sẵn sàng từ giã mảnh đất thân yêu, xung phong chiến đấu, thành những chiến sĩ gan dạ, kiên cường. Số phận đã đẩy họ vào cơn lốc của lịch sử khốc liệt. Hết phải chạy nạn trốn lánh những cuộc ruộng bó của giặc Tây, lại đến bom pháo của Mỹ rơi trên đầu. Hết chống chọi với thiên

nhiên khắc nghiệt, thú dữ, nay họ phải cầm tầm vông vạt nhọn, súng ống thô sơ để chiến đấu với kẻ thù mạnh hơn họ nhiều lần. Họ tiếp tục ngã xuống trong máu lửa như cha ông họ đã nằm xuống vì sơn lam chướng khí chốn rừng sâu nước độc.

Nếu như trong đấu tranh sinh tồn với thiên nhiên, họ đã gan dạ dũng cảm, sẵn sàng đối đầu với mọi trở lực của thiên nhiên, thì khi đối mặt với kẻ thù xâm lược, tinh thần ấy một lần nữa càng được phát huy cao độ. Sơn Nam đã hiểu rất rõ suy nghĩ và hành động cùng tấm lòng yêu nước sâu nặng của người dân vùng đất mới. Chính vì nhận thức được giá trị của cuộc sống hiện tại, cảm nhận được sự hi sinh của những người đi trước, nên họ rất ý thức trong việc giữ gìn và bảo vệ quê hương đất nước. Họ luôn tự hào về vùng đất mới đầy hứa hẹn của dân tộc.

Sơn Nam nhắc đến họ như những tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước mà người dân Nam Bộ đã noi theo. Nhiều người xem đó là thước đo của lòng yêu nước, chẳng hạn ông Từ Thông trong *Hòn Cổ Tron*, ông Sáu Bộ trong *Đảng Cánh Buồm Đen*... Họ là sự tiếp nối con đường mà cha ông đã đi. Sơn Nam đã nhắc về họ như muốn tôn thêm vẻ đẹp bất biến của người dân Nam Bộ, ca ngợi truyền thống bất khuất của người dân nơi đây.

Ông Từ Thông trong *Hòn Cổ Tron* không muốn chứng kiến cảnh giặc Pháp xâm chiếm chướng tai gai mắt ở quê nhà nên ông đã chọn cuộc sống cô độc ngoài hòn Cổ Tron, quanh năm làm bạn với sóng biển mây trời. Tuy nhiên, tâm hồn ông lúc nào cũng hướng về quê cha đất

tổ. Khi nghe người thông ngôn nói về những tin tức trong đất liền thì một nỗi buồn len vào tâm trí ông, một thứ lương tri rực sáng nhắc nhở ông món nợ đối với đồng bào, giang sơn:

“Một mối buồn len vào tâm não ông Từ Thông. Ông nghe gió thổi bốn bề, lạnh lùng. Lương tri như rực sáng nhắc nhở ông món nợ gì đối với đồng bào, giang sơn. Không giúp nước được thì ừ ra ông cũng cần biết những gì xảy ra đau buồn trong nước. Cây có cội. Nước có nguồn. Chim có tổ. Cá có hang. Đôi mắt già của ông Từ Thông ngẩn ngơ nhìn muôn lớp sóng cồn. Chân trời u ám, mấy đám mây tan bay thấp là đà... Ông hổ thẹn, túi bầy phận mình không bằng con đõ quyền đêm hè kêu khắc khoải.”(HRCM1, tr.17)

Không làm trái đạo của một người dân, cuộc sống của ông Từ Thông giữa trời biển bao la lúc bấy giờ rất đáng trân trọng. Người đời sau ví ông như “*một cái vỏ ốc xà cừ lấp lánh*”. Có thể nói, hình ảnh ông Từ Thông là một trong những điểm sáng của lòng yêu nước trong sáng tác của Sơn Nam.

Không chỉ ông Từ Thông, mà bất cứ người dân Nam Bộ nào có lương tri cũng muốn giương cao nghĩa khí yêu nước bằng cách thức của mình, trong hoàn cảnh cụ thể của mỗi người. Rồi những người nông dân hồn nhiên sống ở miệt Xẻo Bần xa xôi dù không được học hành nhưng họ đã sẵn sàng hy sinh cả tính mạng cho đất nước trong những ngày khởi nghĩa tháng Tám:

“Năm 1945, cả xóm ngọ Xẻo Bần không nấu xà bông nữa. Họ phải lo chuyện khác cao cả hơn. Nhưng ý nghĩa

của cuộc chiến đấu mới nào có gì lạ hơn là làm cho dân giàu nước mạnh, phát triển nội hóa. Có lẽ vì lý do đó mà họ hăng hái hơn ai hết. Vì họ đã thấy rõ một lần rồi”. (HRCM1, tr.63)

Đó còn là hình ảnh ông Sáu Bộ trong *Đảng Cánh buồm đen*. Sau những năm tháng đi tầm sư học đạo trên núi Cô Tô, ông đã hiểu ra lời của một vị đạo sĩ già: Không thể tìm một thứ đạo pháp nào khác để tu thân lánh đời, lánh nạn giữa thời buổi mạt pháp này được. Trong khi giáo pháp đang suy đồi, đạo đức của tiền nhân không được tôn trọng thì chưa có ai thành tiên được. Ông Sáu Bộ được một đạo sĩ truyền cho cây roi và đường quyền Lưu Thủy. Nhờ võ nghệ cao cường, ông trở thành chúa đảng Cánh buồm đen, hùng cứ từ Cà Mau đến hải phận Hà Tiên. Tuy nhiên, Đảng của ông: *“Tuyệt không được xâm phạm tài sản của người chài lưới ở ven biển. Hai kẻ thù chánh cần đánh đổ không nương tay là đoàn tàu “đoan” của Tây và ghe buôn lậu Hải Nam.”* (HRCM1, tr 72)

Khi về già, nghe tin giặc Tây trở lại xâm chiếm nước ta, ông Sáu Bộ bỗng nhiên xuất hiện sau nhiều năm mai danh ẩn tích. Ông mong muốn truyền dạy võ nghệ cho đám thanh niên đang nô nức đi đánh giặc, góp phần vào đại cuộc của đất nước. Nhưng thời thế đã đổi thay, cây roi và đường quyền của ông không còn hữu dụng. Ông lão ngậm ngùi nói với đám thanh niên chuẩn bị chống giặc:

“Ừ. Làm gì thì làm, miễn dùng nó được thì thôi. Thiếu củi nấu cơm, chặt khúc nó mà chụm, lão đây cũng không tiếc.”(HRCM1, tr.76)

Có thể nói tinh thần yêu nước đã dâng lên cao độ trong lòng người dân Nam Bộ sẵn sàng chiến đấu đến cùng. Đoàn trai kiêu hùng ra đi bốn phương trời, ít ai được trở về xóm cũ, riêng thân phận ông lão thì:

“Ông lão nọ chết vì không chịu tản cư, lưu lại một tình cảm lạ lùng, khó dứt khoát đối với những ai chưa hiểu rõ hoàn cảnh đặc biệt của phần đất Cà Mau tận cùng này.” (HRCM1, tr.77)

Đó còn là tâm trạng của lục cụ Tăng Liên, hương quản Hem trong *Chiếc ghe ngo*. Họ là những người thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ, gìn giữ và trân trọng di sản văn hoá dân tộc, phong tục tập quán của cha ông. Lục cụ đã tỏ ra khó xử khi phải đem chiếc ghe ngo của nhà chùa tham dự cuộc đua ăn mừng ngày lễ quốc khánh của Pháp, chẳng liên quan gì đến dân tộc mình. Lục cụ phân vân:

“Nếu không tuân lệnh quan trên thì có tội là chống lại với nhà nước Lang Sa, còn chưa đến mùa nước nổi, chưa đến lệ thường mà đua ghe là trái với tục lệ, mất cả ý nghĩa thiêng liêng.” (HRCM1, tr.99)

Thái độ im lặng không nói nửa lời của Lục cụ khi biết phần thưởng ấy là *“một lá cờ tam sắc to tướng”*. Cụ nuốt nước miếng như cố nén chút gì tủi nhục xót xa. Cuối cùng, trước xác của một chiếc ghe ngo mới được đào lên từ lớp phù sa gần một thước, cụ đã quyết định lấp đất lại cho nó yên thân, *“cho khỏi bận hồn người xưa”*.

Cao quý biết bao nhiêu tấm lòng của những người nặng tình với quê hương đất nước. Đó cũng là cách để Sơn Nam nhắc nhở với con cháu đời sau.

Không phân biệt tuổi tác, thành phần tôn giáo... mỗi người một tinh thần, một ý chí, tất cả vì khát vọng đánh đuổi kẻ thù giành độc lập cho dân tộc.

2.3. Trọng nghĩa khinh tài là một nét đẹp trong văn hoá ứng xử của người Nam Bộ từ xưa đến nay. Trong truyện ngắn Sơn Nam, hội tụ những con người xa lạ, thường là không cùng dòng họ, xóm làng, không cùng quê hương bản quán nhưng họ luôn thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó, đùm bọc, yêu thương quý trọng lẫn nhau, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong tình thân *“Tứ hải giai huynh đệ”*. Họ giúp nhau vì tình người, cảm thương những ai đang lâm vào cảnh khốn khó và xem đó là bổn phận của mình mà không hề suy tính thiệt hơn.

Đặc điểm nổi bật trong giao tiếp là người Nam Bộ rất trọng tình nghĩa. Tình nghĩa vừa là nguyên tắc sống, giao tiếp; vừa là yêu cầu của xã hội đối với con người. Dựa vào tình nghĩa, người Nam Bộ có cách đánh giá con người, người nào sống có tình có nghĩa thì được mọi người tôn trọng, ngược lại thì bị xem như thứ bỏ đi, không đáng cho mọi người quan hệ. Ở mức độ cao quý hơn về nhân cách, họ biết sống vì người khác và hy sinh cho cộng đồng, cho thế hệ tương lai.

Trong truyện ngắn của Sơn Nam, người đọc có thể bắt gặp rất nhiều nhân vật sống và ứng xử với tinh thần trọng nghĩa, đạo lý cơ bản của những người nghèo khổ thời khẩn hoang. Đó là những nông dân Nam Bộ nhân hậu, vị tha hết lòng cứu mang, che chở người nghèo phải tha phương như ông bà Hai Tích trong *Một cuộc biển dâu*, là sự giúp đỡ nhiệt tình của ông Tư Châu Xương với

anh Tư Bình Thủy trong *Nhứt phá sơn lâm*, của lão Bích với Tư Hưng trong *Chuyện rừng tràm...* và còn rất nhiều những con người sống bằng tình thâm nghĩa cả khác.

Một cuộc biến dâu là truyện ngắn tiêu biểu của Sơn Nam trong việc ngợi ca tình cảm tốt đẹp của con người trước những tai họa xảy ra trong cuộc sống.

Giữa mùa mưa lũ, trâu không có cỏ ăn, người chết không có đất chôn, ông bà Hai Tích phải chứng kiến cảnh đau lòng: ba thằng Kim trút hơi thở cuối cùng giữa biển nước mênh mông của vùng ruộng sạ tỉnh Long Xuyên. Nghe thằng Kim thuật lại hoàn cảnh của cha nó, ông Hai thở dài, gọi bà Hai nấu thêm cơm cho thằng Kim cùng ăn. Thấy nó khóc, bà cũng rung rung nước mắt rồi hết lời an ủi, lo “chôn cất” chu đáo cho cha nó và còn lập bàn thờ cầu siêu cho vong hồn người bạc mệnh.

Ở vùng đất mới phương Nam người ta sống chan hòa thân thiện, dễ kết bằng hữu với nhau. Chỉ một đêm tâm sự, qua quyển *Quốc văn giáo khoa thư*, hai người vốn xa lạ, có dịp ôn lại kỷ niệm thời ấu thơ, khi cắp sách đến trường. Bây giờ lớn tuổi, làm ăn rày đây mai đó, người thích cái thú ở quê, kẻ lặn độn nơi thị thành nhưng họ vẫn nhớ quê nhà, nhớ trường học, nhớ làng xưa. Họ thành tri kỷ của nhau vì với họ “*chốn quê hương là đẹp hơn cả*” trong lòng mình.

Hai Cần trong truyện ngắn *Vết lục bình* là một thanh niên không lấy được vợ vì nghèo, sống trong vùng khi ho cò gáy của xứ Cà Mau. Tình cờ, Hai Cần gặp một cô gái của miền gạo trắng nước trong, miệt Cần Thơ, rồi đem lòng cảm

mến. Lão Ngọt, một nông dân trong xóm thấy vậy muốn giúp đỡ, tình nguyện dẫn Hai Cần đến nhà cô gái, mặc dù phải vượt qua chặng đường gian khổ, thậm chí phải hy sinh cả chiếc xuồng trong biển lục bình mênh mông của vùng giáp nước.

Bất cứ nơi đâu cũng có thể nhận ra tình nhân ái rất mộc mạc, đơn sơ của người Nam bộ. Trong xóm nhỏ, những ông lão sống qua bao thời cuộc vẫn thương mến, san sẻ tình cảm, giúp đỡ bà con chòm xóm mỗi khi có việc. Trong làng xóm có những người dám chịu nhận những lời trách móc của kẻ khác, bản thân không được lợi lộc gì, chỉ để làm cho người khác được hạnh phúc:

“*Bác dám lãnh đủ bốn cái ngu trên đời... không màng tiếng bác, tiếng chi. Cái tiêu khiển của bác không làm hại cho ai. Và bác dám gánh trách nhiệm để cho kẻ khác vui sướng. Cháu phục mấy ông già xưa quá trời.*” (HRCM2, tr.32)

Trong kháng chiến chống Pháp có những bà mẹ nghèo dám hy sinh tất cả tài sản của mình, nhiều lúc các bà mẹ phải đi vay mượn mới có cho những người chiến sĩ, chỉ mong sao những người con ưu tú của đất nước yên tâm mà đánh giặc:

“*Con đem về nhà ăn cho lạ miệng. Chà! Coi bộ ốm o quá vậy. Muốn mua dầu gan cá thu không? Cứ cho má biết, dịp khác... con đừng buồn, đừng ngại. Má biết mấy con ra tới khu vực này chỉ vì thèm xa xí phẩm. Má lo hết mức rồi ... sanh nợ, ra nông nỗi này.*” (HQ, tr.216)

Thời loạn, mọi người trôi giạt tứ tán, bất mãn xã hội, gặp cảnh khôn cùng, họ có thể thành kẻ bất lương, nhưng khi có cơ hội, gặp được người cầm đầu có uy tín, họ sẵn sàng tụ hội. Nếu được chỉ lối,

họ dễ dàng thành những dũng sĩ xả thân vì nước. Kể cả khi còn là băng đảng giang hồ, họ vẫn thể hiện tính chất đạo lý như kết nghĩa đệ huynh, uống máu ăn thề không bao giờ phản bội, hết lòng vì bạn, trọng nghĩa khinh tài, coi mạng sống mình là rẻ khi giữ lấy chữ nhân, chữ tín vẫn còn được xem như một tiêu chuẩn đáng trọng của đạo sống phổ biến....:

“Đó là câu cách ngôn “Tứ hải giai huynh đệ”. Người bốn biển đều là anh em, không phân biệt màu da, giòng giống. Ăn ở công bằng, đừng ý thế mà ngang tàng. Đòi mà, nước nào cũng như nước nào. Đó là nói bao đồng, chứ hẹp, câu này có nghĩa khác hay hơn”. (HRCM3, tr.54)

Bỏ xứ sở ra đi mà không được trang bị những thứ cần thiết nơi xứ lạ là chuyện đánh liều. Một thân một mình, chuyện sống chuyện chết tự thân lo liệu. Gặp nhau trên đất lạ, cùng hoàn cảnh như nhau, phải biết dựa vào nhau mà sống, còn ai kể chi đến việc có cùng huyết thống hay không, bán anh em xa mua láng giềng gần là đạo lý của người tha phương.

3. Trải qua hơn nửa thế kỷ cầm bút, dù sống ở Sài Gòn, nhưng trước sau nhà văn Sơn Nam vẫn bám sát vào mảng đề tài đất và người vùng Tây Nam Bộ mà viết. Dường như cả đời Sơn Nam chỉ đam mê mỗi việc là khắc họa chân dung tinh thần, phẩm chất đạo đức... của dân Nam Bộ - một “điệu nghệ” đáng quý của ông đối với độc giả đương thời và hậu thế.

Tuy buổi đầu lập nghiệp trên vùng đất hoang sơ trăm đắng ngàn cay bởi rừng thiêng nước độc, thú dữ, người nông

dân thiếu cả công cụ, phương tiện lao động... nhưng mọi người kiên cường bám trụ "đến đây thì ở lại đây; trăm năm bám rễ xanh cây không về". Tấm lòng người nông dân Nam Bộ xưa nay luôn đức độ bao dung, sẵn sàng tha thứ cho những ai biết hối cải lỗi lầm, nhưng cũng không tha kẻ gian ác. Họ coi trọng nhân nghĩa, vị tha và cũng rất ghét bọn gian tà, xu nịnh, những kẻ "tham phú phụ bần". Nếu là người lương thiện, sống trung thực, nhân nghĩa đâu từ đâu đến thì bao giờ cũng được người dân nơi đây đón tiếp thân tình theo đúng nghĩa “tứ hải giai huynh đệ”, sẵn sàng cứu mang giúp đỡ người gian khó.

Những câu chuyện về người Nam Bộ và đất rừng U Minh, những nơi Sơn Nam đã trải qua nhiều năm đã được nhà văn tái hiện, tạo nên một dấu ấn đặc biệt đậm nét trong văn chương mà chỉ riêng ông mới có. Cuộc đời Sơn Nam là sự kết nối những hiểu biết sâu rộng với những ân tình đối với vùng đất mà ông yêu quý, để từ đó kết tinh lại thành những trang viết bất hủ về con người và vùng đất Nam Bộ.

Qua những truyện ngắn đề đời, Sơn Nam đã cho người đọc thấy được một miền đất Nam Bộ ngày xưa trong công cuộc khẩn hoang của những lưu dân và những câu chuyện về cuộc đời của họ, cuộc đời của những con người Nam Bộ cần cù, đầy tình người và những nỗi nhọc nhằn của họ ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc. Chắc chắn, mai sau, khi muốn tìm hiểu về đất và người Nam Bộ xa xưa, người ta phải đọc tác phẩm của ông, nhất là những truyện ngắn trong tập *Hương rừng Cà Mau*.

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TÁC PHẨM SƠN NAM

CHỮ VIẾT TẮT	TÁC PHẨM SƠN NAM
NVMN	<i>Nói về miền Nam</i> , Nxb Lá bối, SG, 1967.
NBTP	<i>Người bạn triệu phú</i> (Tập truyện ngắn), Nxb Khai trí, SG, 1971.
ĐBSCL	<i>Đồng bằng sông Cửu Long: nét sinh hoạt xưa</i> , Nxb TP Hồ Chí Minh, 1985.
26 TN	<i>26 truyện ngắn Sơn Nam</i> , Nxb Mũi Cà Mau, 1987.
TLAT	<i>Tục lệ ăn trộm</i> (Tập truyện ngắn), Nxb Kiên Giang, 1988.
CTMN	<i>Cá tính miền Nam</i> , Nxb Văn hoá, TP HCM, 1992.
LSKHMN	<i>Lịch sử khân hoang miền Nam</i> , Nxb Văn nghệ TP HCM, 1994.
HRCM1	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập I, Nxb Trẻ, TP HCM, 1998.
HRCM2	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập II, Nxb Trẻ, TP HCM, 1999.
HRCM3	<i>Hương rừng Cà Mau</i> , tập III, Nxb Trẻ, TP HCM, 2000.
BCMT	<i>Biển cỏ miền Tây</i> , Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 2003.
HQ	<i>Hương quê</i> , Nxb Trẻ, TP HCM, 2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoài Anh (1997), “Sơn Nam, Người đánh độc huyền kể chuyện Nam Bộ”, *Văn hóa*, (5).
2. Lê Đình Bích (2004), *Đi tìm bản sắc văn hóa Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Công Bình (1990), *Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb KHXH.
4. Lê Phương Chi (2001), *Tâm tình văn nghệ sĩ*, Nxb Thanh niên, TP Hồ Chí Minh.
5. Lục Đức Dương (2001), *Lịch sử lưu dân*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định thành thông chí*, Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa XB, Sài Gòn.
7. Trương Thanh Hùng (2004), *Tính cách con người Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn-Ngu-Í (1966), *Sống và viết với...*, Ngòi xanh, Sài Gòn.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nxb Thuận Hoá.
10. Châu Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Bản dịch Lê Hương, Sài Gòn.
11. Huỳnh Công Tín (2006), *Cảm nhận bản sắc Nam Bộ*, Nxb Văn hoá-Thông tin.
12. Tạ Tỵ (1970), *Mười gương mặt văn nghệ*, Kim Lai ấn quán XB, Sài Gòn.
13. Nguyễn Văn Xuân (1969), *Khi những lưu dân trở lại*, Nxb Thời mới, Sài Gòn.